

Số: /CV-PGDĐT
V/v bổ sung số liệu và điều chỉnh thời
gian gửi báo cáo tổng kết Chỉ thị số
04/CT-TTg ngày 19/01/2018 của Thủ
tướng Chính phủ

Thủ Thừa, ngày 20 tháng 9 năm 2021

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường Mầm non, Mẫu giáo;
- Hiệu trưởng các trường Tiểu học;
- Hiệu trưởng các trường Trung học cơ sở;
- Hiệu trưởng trường TH&THCS Tân Thành.

Thực hiện Công văn số 2458/SGDĐT-HCQ ngày 20/9/2021 của Sở Giáo
dục và Đào tạo tỉnh Long An V/v bổ sung số liệu và điều chỉnh thời gian gửi báo
cáo tổng kết Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 19/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ;

Phòng Giáo dục và Đào tạo thông báo đến Hiệu trưởng các trường học trực
thuộc thực hiện đúng theo tinh thần công văn Công văn số 2458/SGDĐT-
HCQ ngày 20/9/2021. (Mẫu báo cáo theo Công văn 1368/CV-PGDĐT ngày
20/9/2021 của Phòng GD&ĐT kèm phụ lục 1, 2, 3)

Hiệu trưởng các trường gửi báo cáo về Phòng Giáo dục và Đào tạo (qua địa
chỉ email: phonggdth.thuthua@gmail.com) **trước ngày 25/9/2021** để tổng hợp
báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị Hiệu trưởng các trường khẩn trương thực
hiện những nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng, Phó phòng GD;
- Lưu: VT, GDTH.

TRƯỞNG PHÒNG

Võ Văn Mười

Phụ lục 1

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tổng kết Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 19/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ

I. Những thuận lợi, khó khăn

1. Thuận lợi
2. Khó khăn

II. Công tác chỉ đạo, triển khai

Các văn bản chỉ đạo, triển khai việc thực hiện quy định bắt buộc đội mũ bảo hiểm đối với học sinh, đặc biệt là học sinh từ 06 tuổi trở lên được người lớn chở bằng xe mô tô, xe gắn máy và xe đạp điện theo yêu cầu của Chỉ thị.

III. Kết quả thực hiện

1. Năm 2017:

- Số lượng và tỉ lệ chấp hành quy định đội mũ bảo hiểm trong học sinh? Trong đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên? trước khi có Chỉ thị số 04/CT-TTg.

- Số lượng và tỉ lệ cha mẹ học sinh ký cam kết với nhà trường trong việc thực hiện đội mũ cho trẻ em, học sinh.

- Kết quả giám sát của cha mẹ với việc đội mũ bảo hiểm cho con em khi tham gia giao thông bằng xe mô tô, xe gắn máy và xe đạp điện.

- Công tác tiếp nhận thông tin từ lực lượng Cảnh sát giao thông về việc học sinh không đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe mô tô, xe gắn máy và xe đạp điện (bao nhiêu trường hợp học sinh? bao nhiêu trường hợp cán bộ, giáo viên, nhân viên?).

- Số trường hợp vi phạm được nhà trường tiếp nhận và biện pháp xử lý (bao nhiêu trường hợp học sinh? bao nhiêu trường hợp cán bộ, giáo viên, nhân viên?).

- Số nạn nhân tai nạn giao thông bị thiệt mạng có liên quan tới việc không đội mũ hoặc đội mũ không đạt chất lượng tại đơn vị, trường học (bao nhiêu trường hợp học sinh? bao nhiêu trường hợp cán bộ, giáo viên, nhân viên?).

2. Từ năm 2018-2021: (Thống kê cụ thể từng năm – Phụ lục 2, phụ lục 3)

- Số lượng và tỉ lệ chấp hành quy định đội mũ bảo hiểm trong học sinh? Trong đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên? khi Chỉ thị số 04/CT-TTg ban hành. (So sánh với năm 2017)

- Số lượng và tỉ lệ cha mẹ học sinh ký cam kết với nhà trường trong việc thực hiện đội mũ cho trẻ em, học sinh.

- Kết quả giám sát của cha mẹ với việc đội mũ bảo hiểm cho con em khi tham gia giao thông bằng xe mô tô, xe gắn máy và xe đạp điện.

- Công tác tiếp nhận thông tin từ lực lượng Cảnh sát giao thông về việc học sinh không đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe mô tô, xe gắn máy và xe đạp điện (bao nhiêu trường hợp học sinh? bao nhiêu trường hợp cán bộ, giáo viên, nhân viên?).

- Số trường hợp vi phạm được nhà trường tiếp nhận và biện pháp xử lý (bao nhiêu trường hợp học sinh? bao nhiêu trường hợp cán bộ, giáo viên, nhân viên?). (So sánh với năm 2017)

- Số nạn nhân tai nạn giao thông bị thiệt mạng có liên quan tới việc không đội mũ hoặc đội mũ không đạt chất lượng tại đơn vị, trường học (bao nhiêu trường hợp học sinh? bao nhiêu trường hợp cán bộ, giáo viên, nhân viên?). (So sánh với năm 2017)

- Số lượng mũ bảo hiểm đã nhận và trao tặng cho học sinh.

IV. Đánh giá chung

1. Ưu điểm
 2. Hạn chế
 3. Nguyên nhân của hạn chế
 4. Đề xuất, kiến nghị
-

Phụ lục 2

**BẢNG THỐNG KÊ TÌNH HÌNH ĐỘI MŨ BẢO HIỂM CỦA HỌC SINH,
HỌC VIÊN, SINH VIÊN TỪ NĂM 2018 ĐẾN NĂM 2021**

Stt	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Tổng số HS, HV, SV của trường					
2	TSHS, HV, SV tham gia giao thông bằng xe mô tô, xe gắn máy và xe đạp điện (Cha mẹ đưa hoặc cá nhân sử dụng phương tiện)					
3	TSHS, HV, SV tham gia giao thông bằng xe mô tô, xe gắn máy và xe đạp điện có đội mũ bảo hiểm (Cha mẹ đưa hoặc cá nhân sử dụng phương tiện)					
4	Tỉ lệ HS, HV, SV chấp hành quy định đội mũ bảo hiểm					
5	Số lượng và tỉ lệ cha mẹ học sinh ký cam kết với nhà trường trong việc thực hiện đội mũ cho trẻ em, học sinh, học viên, sinh viên					
6	Số trường hợp đã xử lý vi phạm quy định đội mũ bảo hiểm					
7	Số nạn nhân tai nạn giao thông bị thiệt mạng có liên quan tới việc không đội mũ bảo hiểm hoặc đội mũ bảo hiểm không đạt chất lượng					

Phụ lục 3

BẢNG THỐNG KÊ TÌNH HÌNH ĐỘI MŨ BẢO HIỂM CỦA CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN TỪ NĂM 2018 ĐẾN NĂM 2021

Stt	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	TS CB, GV, NV tham gia giao thông bằng xe mô tô, xe gắn máy và xe đạp điện					
2	TS CB, GV, NV tham gia giao thông bằng xe mô tô, xe gắn máy và xe đạp điện có đội mũ bảo hiểm					
3	Tỉ lệ CB, GV, NV chấp hành quy định đội mũ bảo hiểm					
4	Số trường hợp đã xử lý vi phạm quy định đội mũ bảo hiểm					
5	Số nạn nhân tai nạn giao thông bị thiệt mạng có liên quan tới việc không đội mũ bảo hiểm hoặc đội mũ bảo hiểm không đạt chất lượng					